

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2017

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Trần Văn Phước.**
- 2. Bà Võ Tuyết Kha.**

Thư ký Tòa án: Ông Ngô Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2017/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017, về việc: *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2017/QĐTS-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2017/QĐTS-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê M.H** – sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Võ T.P** – sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Lê M.H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Chị Võ T.P vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê M.H trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác định anh và chị P sống chung như vợ chồng từ năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có nhiều bất đồng trong cuộc sống, nên chị P thường xuyên bỏ nhà đi, lần cuối cùng bỏ nhà đi luôn không về là ngày 04/01/2017 âm lịch. Nay Anh H không còn tình cảm với chị P, nên yêu cầu ly hôn chị P.

- Về con: Trong thời gian chung sống có được 02 người con là Lê B.T sinh năm 1989 và Lê M.H sinh năm 1995. Do các con đã thành niên nên Anh H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Anh H và chị P có một căn nhà tạm cất trên đất của cha - mẹ ruột Anh H cùng các đồ dùng trong nhà do Anh H quản lý. Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Anh H xác định anh và chị P không có nợ chung, nên Anh H không yêu cầu giải quyết.

* Chị P không còn sinh sống tại địa phương, đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về yêu cầu của Anh H đối với chị P, nhưng chị P vắng mặt và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của chị P đối với yêu cầu của anh H.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Anh H được ly hôn chị P.

+ Về con chung: Do các con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Anh H và chị P sống chung từ năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn và nhiều bất đồng trong cuộc sống, nên chị P thường xuyên bỏ nhà đi; Hiện tại chị P đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ nơi ở hiện nay và Anh H cũng không còn tình cảm với chị P.

- Anh H và chị P có được 02 người con là Lê B.T sinh năm 1989 và Lê M.H sinh năm 1995.

- Anh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung là căn nhà tạm cất 10 năm trên đất của cha - mẹ Anh H cùng các đồ dùng trong nhà. Anh H cho rằng vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Anh Lê M.H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Võ T.P, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do Anh H có đơn yêu cầu được vắng mặt và chị P vắng mặt lần thứ ba không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh H và chị P trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của Anh H về hôn nhân: Anh H và chị P tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08 tháng 10 năm 2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Do trong thời gian chung sống Anh H và chị P có nhiều bất đồng ý kiến và nhiều mâu thuẫn, dẫn đến chị P thường xuyên bỏ nhà đi và hiện tại đã không còn ở địa phương, Anh H cũng không còn tình cảm với chị P nên yêu cầu được ly hôn chị P.

Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để chị P biết việc Anh H yêu cầu đối với chị P, đồng thời đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng chị P không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Điều này chứng tỏ chị P đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa Anh H và chị, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với anh Hùng, hiện tại Anh H cũng không còn tình cảm với chị P, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho Anh H ly hôn chị P.

[4] Xét về con chung: Do các con chung của chị P và Anh H là Lê B.T sinh năm 1989 và Lê M.H sinh năm 1995 đã thành niên và Anh H không có yêu cầu gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh H xác định anh và chị P có tài sản chung là 01 căn nhà tạm cất đã 10 năm trên đất của cha - mẹ ruột anh H, cùng với các đồ dùng trong nhà do Anh H quản lý. Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, khi nào chị P có tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn sẽ được thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ: Anh H xác định anh và chị P không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí trong vụ án: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị P không phải chịu án phí.

[8] Về chi phí tố tụng: Anh H yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và nộp chi phí là 3.000.000đ, đã chi cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.305.000đ, Anh H đã nhận lại số tiền 695.000đ xong. Anh H tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.305.000đ.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê M.H và chị Võ T.P.

2. Về nuôi con chung: Do các con chung của Anh H và chị P đã thành niên và Anh H cũng không yêu cầu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh H xác định anh và chị P không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Lê M.H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002984 ngày 02 tháng 3 năm 2017, được chuyển thu án phí 300.000đ. Chị Võ T.P không phải chịu án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Anh H tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Anh H đã nộp số tiền 3.000.000đ, chi cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.305.000đ, Anh H đã nhận lại số tiền 695.000đ xong.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang